

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày 17/9/2020.

“V/v: T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2. Bà Hà Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'Gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST- DS, ngày 05 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N (Ngân hàng TMCP N).

Địa chỉ: 2AA-2BB đường C, Phường D, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền số 217/2018/UQQT-NHNA ngày 11/5/2018).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Đức K và ông Trương Minh N. (đều có mặt)

Địa chỉ: 168 Lê Hồng P, Phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đặng Văn S. (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà B Lý Nam Đ, Tổ dân phố A, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Trần Ánh T. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố B, Thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 11 tháng 01 năm 2017, ông Đặng Văn S (gọi tắt là ông S) ký hợp đồng tín dụng số 0008.KTS/2017/502 với Ngân hàng Thương mại cổ phần N (Ngân hàng TMCP N) vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 tháng (kể từ ngày 11/01/2017 đến ngày 11/7/2019), lãi suất 12.5%/năm; lãi quá hạn 18,75%, mục đích vay: tiêu dùng; tài sản bảo đảm: không. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc: 45.066.385 đồng và 11.012.694đ tiền lãi. Từ ngày 28/10/2018 trở đi, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông S đã đi khỏi địa phương. Được sự vận động của ngân hàng, vợ của ông Đặng Văn S bà Lê Trần Ánh T có tự nguyện nộp vào số tiền 1.500.000đ vào ngày 13/8/2019. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Đặng Văn S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N 34.235.304 đồng (trong đó nợ gốc: 24.933.615 đồng, lãi của vốn quá hạn 6.398.650 đồng, lãi phạt vốn quá hạn 2.903.039 đồng tính đến ngày 17/9/2020) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 theo hợp đồng tín dụng số 0008.KTS/2017/502 ngày 11/01/2017 cho đến khi trả xong nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Trần Ánh T trong quá trình tố tụng trình bày:

Bà là vợ của ông Đặng Văn S, việc vay mượn của ông S với ngân hàng bà không biết, không liên quan và không sử dụng khoản tiền trên. Được sự vận động của Ngân hàng N, ngày 13/8/2019 bà T có tự nguyện nộp 1.500.000đ vào tài khoản ngân hàng để giảm bớt nợ cho ông S. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì ông S có trách nhiệm trả cho ngân hàng. Hiện nay, ông S ở đâu bà không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Đặng Văn S đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được, mở phiên họp vắng mặt ông Đặng Văn S.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Đặng Văn S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số nợ gốc 24.933.615 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Đặng Văn S vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 11 tháng 01 năm 2017, ông Đặng Văn S ký hợp đồng tín dụng số 0008.KTS/2017/502 với Ngân hàng TMCP N vay số tiền 70.000.000 đồng. Thời hạn vay là 30 tháng (kể từ ngày 11/01/2017 đến ngày 11/7/2019), lãi suất 12.5%/năm; lãi quá hạn 18.75%, mục đích vay: tiêu dùng; tài sản bảo đảm: không. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã trả cho ngân hàng số tiền gốc 45.066.385 đồng và 11.012.694 đồng tiền lãi. Từ ngày 28/10/2018 trở đi, ông Đặng Văn S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, cần buộc ông S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 34.235.304 đồng (trong đó nợ gốc: 24.933.615 đồng, lãi của vốn quá hạn 6.398.650 đồng, lãi phạt vốn quá hạn 2.903.039 đồng tính đến ngày 17/9/2020) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 theo hợp đồng tín dụng số 0008.KTS/2017/502 ngày 11/01/2017 cho đến khi trả xong nợ.

Đối với bà Lê Trần Ánh T là vợ của ông Đặng Văn S, khi ông S vay tiền của ngân hàng bà T không biết và cũng không sử dụng số tiền mà ông S vay, đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N chỉ khởi kiện ông S nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trả nợ của bà T.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại 736.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0004386 ngày 14/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Đặng Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 34.235.304 đồng (trong đó nợ gốc: 24.933.615 đồng, lãi của vốn quá hạn 6.398.650 đồng, lãi phạt vốn quá hạn 2.903.039 đồng tính đến ngày 17/9/2020) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 theo hợp đồng tín dụng số 0008.KTS/2017/502 ngày 11/01/2017 cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí: Ông Đặng Văn S phải chịu 1.712.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N được nhận lại 736.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0004386 ngày 14/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

ĐỖ VĂN THA